

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TẬP BÀI GIẢNG

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

TS. NGUYỄN THỊ TRANG
ThS. LÊ PHƯƠNG ANH VÕ

Vĩnh Long, 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TẬP BÀI GIẢNG

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

TS. Nguyễn Thị Trang (chủ nhiệm)

Th.s Lê Phương Anh Võ (thành viên)

Vĩnh Long, 2022

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về chính trị - xã hội của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đó, làm nền tảng để sinh viên xây dựng cho mình thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, có niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cũng là nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng và Nhà nước ta đã và đang xây dựng, phát triển.

Những năm gần đây, Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên giảng dạy dành thời gian để nghiên cứu khoa học, trong đó nghiên cứu tài liệu giảng dạy cho từng môn học. Nhóm tác giả nhận thấy trong Khoa Lý luận chính trị chưa có tài liệu giảng dạy nội bộ, nên việc biên soạn một tài liệu giảng dạy trình bày nội dung rõ ràng, đơn giản, ngắn gọn nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo là phù hợp với chủ trương của Nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của tập thể giảng viên trong Khoa và sinh viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

Nội dung tập bài giảng biên soạn gồm 7 chương (đảm bảo đề cương của Bộ Giáo dục & và Đào tạo). Mỗi chương đều nêu rõ: mục đích, yêu cầu về kỹ năng, thái độ, nội dung, cuối mỗi chương là một số gợi ý để giảng viên và sinh viên tham gia ôn tập, thảo luận. Ngoài ra, nhóm tác giả còn bổ sung thêm danh mục một số tài liệu tham khảo phù hợp với từng chương để sinh viên có thể tìm hiểu thêm nhằm nắm bắt nội dung môn học một cách tốt hơn.

Trong quá trình biên soạn tập bài giảng, hầu như những phần thuộc phương hướng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhóm tác giả chủ yếu là tóm gọn. Những nội dung quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, của Đảng và Nhà nước về các vấn đề cơ cấu giai cấp, nhà nước, dân chủ thì những nội dung chủ đạo nhóm tác giả xin giữ nguyên. Mặc dù đã có sự cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả mong nhận được sự chia sẻ của quý đồng nghiệp, sinh viên để tập bài giảng ngày càng hoàn thiện hơn.

Tập thể tác giả

MỤC LỤC

Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	1
1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	1
1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	1
1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen	6
1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học [33]	9
1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.....	9
1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới.....	10
1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	11
1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	13
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	13
1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	14
1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	15
Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	17
2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.....	17
2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	17
2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	19
2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.....	20
2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay	22
2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay	22
2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay.....	24
2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.....	25

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam	25
2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	26
2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	28
Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	31
3.1. Chủ nghĩa xã hội	31
3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	31
3.1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội.....	32
3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	33
3.2. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	35
3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	35
3.2.2. Đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	37
3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	38
3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.....	38
3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	39
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	44
4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa	44
4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.....	44
4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	47
4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.....	49
4.2.1. Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	49
4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	51
4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	53
4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	53
4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	56

4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.....	58
Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	62
5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	62
5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp	62
5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	64
5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	65
5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	67
5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	67
5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	69
Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	75
6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	75
6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc.....	75
6.1.2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc	77
6.1.3. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	79
6.2. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	83
6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo.....	83
6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay	86
6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	90
6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.....	90
6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay .	92
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	96

7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình.....	96
7.1.1. Khái niệm gia đình	96
7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội.....	97
7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình	99
7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ...	100
7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.....	100
7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	101
7.2.3. Cơ sở văn hóa	101
7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ.....	102
7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	104
.....	
7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	104
.....	
7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì	108
quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	

Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

A. MỤC ĐÍCH

1. *Về kiến thức*: Sinh viên có kiến thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. *Về kỹ năng*: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học để giải thích những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện nay.

3. *Về thái độ*: Sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị. Có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

B. NỘI DUNG

1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa:

- *Theo nghĩa rộng*, Chủ nghĩa xã hội khoa học là Chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải từ các góc độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- *Theo nghĩa hẹp*, Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Vladimir Ilyich Lenin (V.I.Lênin) khi viết tác phẩm “Ba nguồn gốc và ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác” đã khẳng định: “Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỉ XIX, đó là Triết học Đức, Kinh tế chính trị học Anh và Chủ nghĩa xã hội Pháp” [1, p. 50]. Trong khuôn khổ môn học này, Chủ nghĩa xã hội khoa học được nghiên cứu theo nghĩa hẹp.

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỉ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ đã tạo nên nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Trong tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, Karl Marx (C.Mác) và Friedrich Engels

(Ph.Ăngghen) đánh giá: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước đây gộp lại” [2, p. 603].

Cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp là sự ra đời hai giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích, nhưng nương tựa vào nhau là giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản bùng nổ mạnh mẽ, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất tiên bộ với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức và trên quy mô rộng khắp như: Phong trào Hiến chương của những người lao động ở nước Anh diễn ra trên 10 năm (1836 - 1848), phong trào công nhân dệt ở thành phố Lyon, nước Pháp diễn ra vào năm 1831. Nếu như năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Lyon giương cao khẩu hiệu thuần túy có tính chất kinh tế “sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh” thì đến năm 1834, khẩu hiệu của phong trào đã chuyển sang mục đích chính trị: “Cộng hòa hay là chết”.

Lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

- *Tiền đề khoa học tự nhiên.*

Cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu trong khoa học. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển có tính cách mạng, đó là *Học thuyết Tiến hóa, Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, Học thuyết*

tế bào. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

- *Tiền đề tư tưởng lý luận.*

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, trong lĩnh vực khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó:

+ Triết học cổ điển Đức với các nhà triết học vĩ đại như Georg Wilhelm Friedrich Hegel (Hegel) (1770 - 1831) và Ludwig Andreas Feuerbach (Feuerbach) (1804 - 1872)...

+ Kinh tế chính trị học cổ điển Anh với Adam Smith (A.Smith) (1723 - 1790) và David Ricardo (D.Ricardo) (1772 - 1823).

+ Chủ nghĩa không tưởng phê phán tiêu biểu là Saint Simon (S.Simon), Charles Fourier (C.Fourier) và Robert Owen (R.Owen).

- S.Simon (1769 - 1825)

Ông là người viết nhiều tác phẩm đề cập nhiều nội dung về xã hội chủ nghĩa. Trước hết, ông có công lao trong việc đề cập, luận giải cho lý thuyết về giai cấp và xung đột giai cấp. Mặc dù ông chưa thể phân định chính xác về nguồn gốc cũng như bản chất kinh tế - xã hội của các giai cấp nhưng đây là một đóng góp mới của ông đối với kho tàng tri thức nhân loại về xã hội nói chung, về tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Ông tự tuyên bố mình là người phát ngôn của giai cấp cần lao và giải phóng giai cấp ấy là mục đích cuối cùng của những nỗ lực mà ông thực hiện trong cuộc đời.

Ông cũng chỉ ra tính chất nửa vời, thiếu triệt để và không vì lợi ích của nhân dân lao động, của cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789, vì thế, theo ông cần có một cuộc cách mạng mới, một cuộc “tổng cách mạng”. Để thực hiện cuộc cách mạng mới đó, ông chủ trương phải bằng “con đường bình yên chung”, mặc dù thời trẻ ông từng cống hiến sức lực của mình trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của những người anh em ở Bắc Mỹ.

Trong quan niệm của ông về chế độ sở hữu của xã hội tương lai lại chứa đựng sự mâu thuẫn. Một mặt, ông cho rằng, trong xã hội ấy, chế độ sở hữu phải được tổ chức sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội. Nhưng mặt khác, ông lại không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu, mà chỉ cố gắng xoá bỏ sự phân hoá giàu nghèo một cách quá đáng, thông qua và bằng cách thực hiện chế độ tư hữu một cách phổ biến.

- C.Fourier (1772 - 1837)

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình thương gia không mấy suôn sẻ trong việc buôn bán, C.Fourier sớm được tiếp xúc với thương trường của xã hội tư bản đang trên đà phát triển. Là một người không được học hành đến nơi đến chốn, nhưng bù lại ông có một trí thông minh tuyệt vời. Tinh tế trong quan sát, sắc sảo trong nhận xét đánh giá, ông nắm rất vững phép biện chứng trong việc quan sát, phát hiện và phân tích vấn đề. Đó là những đặc thù trong nhân cách của C.Fourier.

Ngay từ khi chủ nghĩa tư bản đang ở trong buổi bình minh của mô hình tự do cạnh tranh, C.Fourier đã phát hiện ra tình trạng vô chính phủ của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm nhưng được hưởng thụ quá ít, trong khi kẻ ăn bám thì lại hưởng thụ quá nhiều, “sự nghèo khổ được sinh ra từ chính sự thừa thãi”.

Đánh giá về chế độ văn minh tư bản, ông cho rằng nó chỉ có thể tạo ra sự giàu có nói chung chứ không thể tạo ra sự giàu có cho toàn xã hội. Trên cơ sở cái nhìn biện chứng đối với các mặt trái của xã hội tư bản, ông dự đoán, xã hội văn minh tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng chế độ xã hội mới mà ông gọi là “chế độ xã hội được đảm bảo” hay “xã hội hài hoà”. Trong xã hội mới ấy, có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, mỗi cá nhân sẽ tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng như S.Simon, C.Fourier không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu.

- R.Owen (1771 - 1858)

Trong những năm 30 của thế kỷ XIX, ở nước Anh diễn ra phong trào đòi cải cách tuyển cử có sự tham gia của đông đảo công nhân và lao động Anh. Trong bối cảnh ấy, xuất hiện một nhà cải cách có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa, ông là R.Owen.

Khác với S.Simon và C.Fourier, R.Owen không chỉ đề xướng và kiến nghị những tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa, ông còn đề ra và tổ chức thực nghiệm những tinh thần được nêu trong *Luật lao động nhân đạo trong công xưởng* nơi ông làm giám đốc. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tế ông đánh giá cao vai trò của công nghiệp, của tiến bộ kỹ thuật đối với sản xuất và phát triển kinh tế. Những chủ trương có tính nhân đạo mà ông thực hiện trong nhà máy của mình ít nhiều đã mang lại những kết quả nhất định trong cải thiện đời sống cho công nhân của ông. Ông là người chủ trương phải xoá bỏ tư hữu vốn là nguyên nhân của những bất công và tệ nạn xã hội trong xã hội tư bản.

Bị thất bại và khánh kiệt gia sản do những thực nghiệm đơn độc của mình ở Anh và ở Mỹ, ông dồn toàn bộ thời gian và sức lực còn lại của cuộc đời vào hoạt động trong phong trào của giai cấp công nhân Anh.

Nhìn chung, những tư tưởng xã hội của những nhà tư tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định sau: 1) Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng; 2) đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai, về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; Vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; Yêu cầu xoá bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước....; 3) Chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dân thân trong thực tiễn của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, trong chừng mực nào đó, đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

Bên cạnh đó, những tư tưởng xã hội trên còn mắc phải không ít những hạn chế do điều kiện lịch sử, sự hạn chế về thế giới quan của những nhà tư tưởng. V.I.Lênin trong tác phẩm “Ba nguồn gốc, ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác” đã nhận xét: Chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ làm thuê trong chế độ tư bản, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và cũng không tìm ra được lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo ra xã

hội mới. Song, vượt lên tất cả thì những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng Pháp đã tạo ra tiền đề tư tưởng - lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa và phát triển thành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen

C.Mác (1818 - 1883) và Ph.Ăngghen (1820 - 1895) trưởng thành ở Đức, đất nước có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của Feuerbach và phép biện chứng của Hegel. Bằng trí tuệ uyên bác và sự dấn thân trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, C.Mác và Ph.Ăngghen đã tìm đến nhau, cùng tiếp thu các những tinh túy của nền Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị học cổ điển Anh... và kho tàng tri thức của nhân loại để các ông trở thành những nhà khoa học thiên tài, những nhà cách mạng vĩ đại nhất thời đại.

a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen là hai thành viên tích cực của câu lạc bộ Hegel trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của Hegel và Feuerbach. Với nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Hegel và Feuerbach. Với triết học của Hegel, tuy mang quan điểm duy tâm nhưng chứa đựng “cái hạt nhân” hợp lý của phép biện chứng, còn đối với triết học của Feuerbach, tuy mang nặng quan điểm siêu hình, song nội dung lại thấm nhuần quan điểm duy vật. C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của triết học Hegel, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình của triết học Feuerbach để xây dựng nên lý thuyết mới là chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến tháng 4 - 1848, thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel” - 1844, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với các tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”, “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới

quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ năm 1843 - 1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học.

b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

- *Chủ nghĩa duy vật lịch sử.*

Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và loại bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của triết học Hegel, kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của triết học Feuerbach, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập nên chủ nghĩa duy vật biện chứng. Bằng phép biện chứng duy vật, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen, là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

- *Học thuyết về giá trị thặng dư.*

Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa để sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất là “Học thuyết về giá trị thặng dư” - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen, là sự khẳng định về phương diện kinh tế, sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

- *Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.*

Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là Chủ nghĩa duy vật lịch sử và Học thuyết giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba - Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chế độ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ ba này thì những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội

không tưởng - phê phán đã được khắc phục một cách triệt để. Đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, ngày 24 tháng 2 năm 1848, “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới. Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của Chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống và súc tích về những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Logic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa, đó là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học [33]

1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Thời kì từ 1848 đến Công xã Pari (1871)

Đây là thời kỳ của những sự kiện của cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848 - 1852), Quốc tế I thành lập (1864), tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867)... Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: “từ khi bộ “Tư bản” ra đời... quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý đã được chứng minh một cách khoa học”[3, p. 166].

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848 - 1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; Bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân; Tư tưởng về xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

b. Thời kì sau Công xã Pari đến 1895

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học, bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là: “Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản” [4, p. 393].

C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động.

1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

V.I.Lênin (1870 - 1924) là người đã kế tục một cách xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen, tiếp tục bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại mới: “Thời đại tan rã chủ nghĩa tư bản, sự sụp đổ trong nội bộ chủ nghĩa tư bản, thời đại cách mạng cộng sản của giai cấp vô sản” [5, p. 130].

V.I.Lênin là đã đưa Chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận thành hiện thực, được đánh dấu bằng sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xô viết, năm 1917.

Những đóng góp to lớn của V.I.Lênin vào sự vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua hai thời kì cơ bản:

a. Thời kì trước Cách mạng Tháng Mười Nga

Trên cơ sở phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của thời kì trước Cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học trên một số khía cạnh sau:

- Đấu tranh chống các trào lưu phi marxist (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái marxist hợp pháp) nhằm bảo vệ Chủ nghĩa Mác, mở đường cho Chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào nước Nga.

- Kế thừa những di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính đảng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng.

- Trên cơ sở kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở những nghiên cứu, phân tích về chủ nghĩa

đế quốc, V.I.Lênin kết luận: cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một số nước hay thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa.

- V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản, phân tích mối quan hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản. Chính V.I.Lênin là người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm hệ thống của Đảng Bolshevik lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

b. Thời kì sau Cách mạng Tháng Mười Nga

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, V.I.Lênin đã viết nhiều tác phẩm quan trọng bàn về những nguyên lý của Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới, tiêu biểu là: Chuyên chính vô sản; Về thời kỳ quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản; Về chế độ dân chủ; Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước; Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin còn nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản do C.Mác, Ph.Ăngghen phát hiện và khởi xướng. Những điều đó đã làm cho V.I. Lênin trở thành một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay

a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991

Sau khi V.I. Lênin qua đời, đời sống chính trị thế giới chứng kiến nhiều thay đổi. Joseph Stalin (J.Stalin) kế tục công việc dang dở của V.I. Lênin, trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Nga và sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời là người ảnh hưởng lớn nhất đối với Quốc tế III. Từ năm 1924 đến năm 1953, có thể gọi là “Giai đoạn Stalin” trực tiếp vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính Stalin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã gắn lý luận và tên tuổi của C.Mác với V.I.Lênin thành “Chủ nghĩa Mác - Lênin”.

Có thể nêu một cách vắn tắt những nội dung cơ bản phản ánh sự vận dụng, phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ sau V.I.Lênin là:

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Moscow tháng 11-1957 đã tổng kết và thông qua 09 quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù, về sau do sự phát triển của tình hình thế giới, những nhận thức đó đã bị lịch sử vượt qua, song đây cũng là sự phát triển và bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Moscow vào tháng giêng năm 1960. Hội nghị đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”. Xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ và củng cố hòa bình, ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh thế giới mới, tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Sau Hội nghị Moscow năm 1960, hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của các Đảng Cộng sản và công nhân được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, phong trào cộng sản quốc tế, trên những vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới vẫn tồn tại bất đồng và vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo Chủ nghĩa Mác - Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều.

b. Từ năm 1991 đến nay

Đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu lần lượt sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước một thử thách đòi hỏi phải vượt qua.

Sau sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, chỉ còn một số nước xã hội chủ nghĩa hoặc nước có xu hướng tiếp tục theo chủ nghĩa xã hội, do vẫn có một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Những Đảng Cộng sản kiên trì hệ tư tưởng Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển.

Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ khi thành lập (ngày 1/7/1921) đến nay đã trải qua ba thời kỳ lớn: Cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa. Năm 2017, Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề “Quyết thắng xây dựng toàn diện xã hội khá giả, giành thắng lợi vĩ đại chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” đã khẳng định: Xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp vào năm 2050; “Nhân dân Trung Quốc sẽ được hưởng sự hạnh phúc và thịnh vượng cao hơn, và dân tộc Trung Quốc sẽ có chỗ đứng cao hơn, vững hơn trên trường quốc tế”.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà trên lĩnh vực lý luận, mà còn có những đóng góp vào kho tàng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ngoài những cống hiến về lý luận do Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết, phát triển trong công cuộc cải cách, mở cửa, đổi mới và hội nhập, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng có giá trị tạo nên sự bổ sung, phát triển đáng kể vào kho tàng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung trong thời đại mới.

1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Với tư cách là một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học trực tiếp nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình. Hơn nữa, dựa trên nền tảng lý luận chung và phương pháp luận của triết học và kinh tế chính trị học marxist, Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội rõ ràng, trực tiếp nhất để chứng minh, khẳng định sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã

hội. Như vậy, Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự tiếp tục một cách logic của triết học và kinh tế chính trị học marxist, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chính trị của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn. Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học là những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; Những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp như:

- *Phương pháp kết hợp logic và lịch sử* là một phương pháp đặc trưng và đặc biệt quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn về các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học - tức là rút ra được cái logic của lịch sử, không dừng lại ở việc liệt kê sự thật lịch sử.

- *Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể* là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi nghiên cứu, khảo sát một xã hội cụ thể, đặc biệt là trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những người nghiên cứu... phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trước các vấn đề trong nước và quốc tế.

- *Phương pháp so sánh* được sử dụng trong nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện chính trị - xã hội giữa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chế độ dân chủ, dân chủ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa... phương pháp so sánh còn được thực hiện trong việc so sánh các lý thuyết, mô hình xã hội chủ nghĩa khác nhau.

- *Các phương pháp có tính liên ngành* như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, ... để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội, trong đó có thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngoài ra, Chủ nghĩa xã hội khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội để từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia cũng như trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Về mặt lý luận

- Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người... Vì thế, các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin có lý khi xác định rằng: Chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đại và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân mình.

- Không chỉ nhằm giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo quy luật phù hợp với tiến bộ, văn minh. Góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Giúp người học có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá

của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng và Nhà nước, chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại.

b. Về mặt thực tiễn

- Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với đó là sự thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới thì lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa Mác - Lênin của nhiều người có giảm sút. Đó là một thực tế. Vì thế, nghiên cứu, học tập và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay cũng như có ý nghĩa chính trị cấp bách.

- Việc nghiên cứu, học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các vấn đề chính trị, xã hội,... là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hóa, biến chất trong Đảng và toàn xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách khoa học tức là tiến hành củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội... cho cán bộ, học sinh, sinh viên cũng như toàn thể nhân dân.

- Góp phần quan trọng việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Vai trò của V.I.Lênin trong việc bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học.

D. VẤN ĐỀ GỢI Ý THẢO LUẬN

1. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn khi nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam hiện nay.

2. Những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới.

E. TÀI LIỆU TÌM ĐỌC THÊM

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2002.

Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức*: Sinh viên nắm vững quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay.

2. *Về kỹ năng*: Biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. *Về thái độ*: sinh viên có niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

B. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

a. Khái niệm giai cấp công nhân

C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân như giai cấp vô sản; Giai cấp vô sản hiện đại; Giai cấp công nhân hiện đại; Giai cấp công nhân đại công nghiệp... Ngoài ra, các ông còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ công nhân trong các ngành sản xuất khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp như: công nhân khoáng sản, công nhân công trường thủ công, công nhân nông nghiệp... Dù diễn đạt bằng những thuật ngữ khác nhau, song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác xác định theo hai phương diện cơ bản:

- Về phương diện kinh tế - xã hội.

Là sản phẩm và là chủ thể của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao. Họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại với những đặc điểm nổi bật

như: sản xuất bằng máy móc, lao động có tính chất xã hội hóa, năng suất lao động cao và tạo ra những tiền đề của cải vật chất cho xã hội mới.

Mô tả quá trình phát triển của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình, còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc” [6, p. 605], Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, công nhân công nghiệp công xưởng là bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân hiện đại.

- Về phương diện chính trị - xã hội.

Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, “giai cấp vô sản là giai cấp CỦA những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống” [2, p. 596].

C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ, đó là giai cấp của những người lao động không có sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư: “Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác, vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau” [2, p. 605].

Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội ngày càng rộng lớn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn cơ bản này thể hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Lao động sống của công nhân là nguồn gốc của giá trị thặng dư và sự giàu có của giai cấp tư sản cũng chủ yếu nhờ vào việc bóc lột được ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư.

Từ phân tích trên, theo Chủ nghĩa Mác - Lênin: *Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc*

lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

b. Đặc điểm của giai cấp công nhân

- Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là lao động bằng phương thức công nghiệp với công cụ lao động đặc trưng là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

- Giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

- Là giai cấp có phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền sản xuất hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên bộ, đại biểu cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai. Do vậy, về mặt khách quan nó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức, bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trong tác phẩm “*Chống Duyrinh*” khi nói về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, Ph.Ăngghen chỉ rõ: phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không sẽ bị diệt vong và thực hiện sự nghiệp giải phóng ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã tập trung nghiên cứu làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chỉ ra con đường và những biện pháp cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. V.I.Lênin chỉ rõ: điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải trải qua hai bước: *bước thứ nhất*, “Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà

nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước”; *Bước thứ hai*, “...giai cấp vô sản cũng tự thủ tiêu với tư cách là giai cấp vô sản, chính vì thế mà nó cũng xóa bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp, và cũng xóa bỏ nhà nước với tư cách nhà nước”. Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau vì giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- *Thứ nhất*, do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân quy định.

+ Giai cấp công nhân là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sau khi giành chính quyền, giai cấp công nhân, đại biểu cho sự tiến bộ của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Giai cấp công nhân do không có tư liệu sản xuất nên giai cấp công nhân phải bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và bị nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư, họ bị lệ thuộc hoàn toàn trong quá trình phân phối các kết quả lao động của chính mình. Về mặt lợi ích giai cấp công nhân là giai cấp đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản.

+ Giai cấp công nhân có lợi ích căn bản thống nhất với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động nên họ có thể tập hợp, đoàn kết, lãnh đạo đông đảo quần chúng đi theo làm cách mạng chống lại giai cấp tư sản.

- *Thứ hai*, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định.

+ Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất, vì giai cấp công nhân là con đẻ của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, được rèn luyện trong nền sản xuất công nghiệp tiến bộ, đoàn kết và tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh.

+ Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Vì môi trường làm việc của giai cấp công nhân là sản xuất tập trung cao và có trình độ kỹ thuật ngày

càng hiện đại, có cơ cấu tổ chức ngày càng chặt chẽ, làm việc theo dây chuyền buộc giai cấp công nhân phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động.

+ Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để nhất. Giai cấp công nhân hướng tới mục tiêu cuối là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, thể hiện ở sự xóa bỏ mọi tình trạng áp bức bóc lột, nô dịch cả về vật chất lẫn tinh thần. Giai cấp công nhân vừa phải giành chính quyền, vừa sử dụng chính quyền để thực hiện mục tiêu đó.

+ Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế. Giai cấp công nhân ở tất cả các nước đều có chung một mục đích là giải phóng mình đồng thời giải phóng xã hội khỏi áp bức bóc lột và họ đều có chung một kẻ thù là giai cấp tư sản bóc lột và cũng do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, để chống lại chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản khi mà chúng đã liên kết với nhau thành tập đoàn tư bản, chủ nghĩa đế quốc, vì vậy mà giai cấp công nhân càng phải nêu cao tinh thần quốc tế của giai cấp mình, cùng nhau thực hiện sứ mệnh lịch sử.

b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

- *Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.*

Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang tác động sâu sắc vào quá trình sản xuất, quản lý và đời

sống xã hội nói chung, đang đòi hỏi sự biến đổi sâu sắc tính chất, phương thức lao động của công nhân.

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo các cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Quy luật chung cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và là nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên Chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay

Nội dung mục này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay

a. Về những điểm tương đồng so với thế kỉ XIX

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính

xã hội hóa ngày càng cao. Ở các nước phát triển, sự phát triển của giai cấp công nhân tỷ lệ thuận với sự phát triển kinh tế. Lực lượng lao động bằng phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối ở những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế. Cũng vì thế, đa số các nước đang phát triển hiện nay đều thực hiện chiến lược công nghiệp hóa nhằm đẩy mạnh tốc độ, chất lượng và quy mô phát triển. Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại. Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

- Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh.

Gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với sự phát triển của nền kinh tế tri thức thì công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Trí thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa giai cấp công nhân. Trên thực tế đã có thêm nhiều khái niệm mới để chỉ công nhân theo xu hướng này, đó là “công nhân tri thức”, “công nhân trí thức”, “công nhân áo trắng”, “lao động trình độ cao”... Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng về tri thức và trang bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp.

- Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản đã có một số điều chỉnh nhất định về phương thức quản lý, các biện pháp điều hòa mâu thuẫn xã hội. Một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Về mặt hình thức, họ không còn là “vô sản” nữa và có thể được “trung lưu hóa” về mức sống, nhưng về thực chất, ở các nước tư bản, do không chiếm được tỷ lệ sở hữu cao nên quá trình sản xuất và phân chia

lợi nhuận vẫn bị phụ thuộc vào những cổ đông lớn. Việc làm và lao động vẫn là nhân tố quyết định mức thu nhập, đời sống của công nhân hiện đại. Quyền định đoạt quá trình sản xuất, quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận vẫn thuộc về giai cấp tư sản.

- Là giai cấp giữ vai trò lãnh đạo, Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân, giữ vai trò cầm quyền trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia xã hội chủ nghĩa.

Từ khi nhà nước Xôviết ra đời, giai cấp công nhân và đội tiên phong của mình đã trở thành giai cấp lãnh đạo giành chính quyền và xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa ở các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội như ở Liên Xô và Đông Âu trước đây và ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay (Việt Nam, Trung Quốc...).

2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

a. Nội dung về kinh tế

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ, bởi sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản.

b. Nội dung chính trị - xã hội

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong cương lĩnh chính trị của các Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền thì nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong

sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới ngày nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là cuộc đấu tranh ý thức hệ. Đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển cùng với những mặt trái của nó. *Mặt khác*, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước những thử thách càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chính là nội dung của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay về văn hóa, tư tưởng.

2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

Tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã xác định: “Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp” [7, p. 43].

Giai cấp công nhân ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân và bè lũ tay sai của chúng.

Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì ra đời ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp trong xã hội. Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kì đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỉ XX. Ngày nay, nhất là trong hơn 35 đổi mới, những đặc điểm đó của giai cấp công nhân đã có những biến đổi như sau:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã xác định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở nước ta là: “Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; Giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; Giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng” [8, p. 72-738].

a. Nội dung kinh tế

- Giai cấp công nhân Việt Nam là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân - tập thể và xã hội.

- Là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - đây. Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại.

b. Nội dung chính trị - xã hội

- Nội dung chính yếu, nổi bật, thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân về phương diện chính trị - xã hội là “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên” và “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

- Nội dung trực tiếp về văn hóa tư tưởng thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách.

- Tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam

Đại hội lần thứ X của Đảng đã xác định phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là: “Đối với giai cấp công nhân, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; Nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khỏe đối với công nhân; Chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế... Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú” [9, p. 214].

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã ra Nghị quyết về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, trong đó nhấn mạnh: “Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; Có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; Nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; Có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam... Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; Ngày càng được trí thức hóa: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; Thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế;...” [8, p. 77-78].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng của Đảng” [10, p. 180]. Đồng thời xác định rõ: “Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế; Tập trung làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, tập thể công nhân. Định hướng, quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của công nhân tại doanh nghiệp ngoài tổ chức công đoàn hiện nay” [10, p. 166].

b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam

- *Một là*, nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Hai là*, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

- *Ba là*, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

- *Bốn là*, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

- *Năm là*, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. So sánh đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân thế giới.

2. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

E. TÀI LIỆU TÌM ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2008.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2011.

3. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2002.

Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về Chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.

2. *Về kỹ năng:* Sinh viên bước đầu biết vận dụng những tri thức đã học để phân tích những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. *Về thái độ:* Sinh viên có niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tin và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. NỘI DUNG

Nội dung chương này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

3.1. Chủ nghĩa xã hội

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra tính tất yếu của sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao; Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.

Có thể tóm tắt có các giai đoạn của Hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa bằng sơ đồ sau:



3.1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội

a. Điều kiện kinh tế

Các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học đã thừa nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa tư bản khi khẳng định sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (Cách mạng công nghiệp lần thứ hai), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại tạo ra đến lúc đó [2, p. 603]. Tuy nhiên, các ông cũng chỉ ra rằng, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng lỗi thời, trở thành xiềng xích của lực lượng sản xuất.

b. Điều kiện chính trị - xã hội

Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu, ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ rệt. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng

xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội” [11, p. 15].

Sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

- Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, khi dự báo về xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Thay thế cho xã hội tư sản cũ với các giai cấp và những sự đối lập giai cấp của nó sẽ là một khối liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [12, p. 258]. Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức, quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động. V.I.Lênin cho rằng: “Từ chủ nghĩa tư bản, nhân loại chỉ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là lên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm theo lao động của mỗi người” [13, p. 220].

Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất

tiên bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I.Lênin cho rằng: “Thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn” [14, p. 228-229].

- Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người. Nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả.

- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định: trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

- Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Theo V.I.Lênin: “Nếu không hiểu rõ rằng chỉ có sự hiểu biết chính xác về nền văn hóa được sáng tạo ra trong toàn bộ quá trình phát triển của loài người và việc cải tạo nền văn hóa đó mới có thể xây dựng được nền văn hóa vô sản thì chúng ta sẽ không giải quyết được vấn đề” [16, p. 361]. Do vậy, quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải biết kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Giải quyết vấn đề dân tộc theo Cương lĩnh của V.I.Lênin, trong chủ nghĩa xã hội, cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở chính trị - pháp lý, đặc biệt là cơ sở kinh tế - xã hội và văn hóa sẽ từng bước xây dựng, củng cố và phát triển.

Chủ nghĩa xã hội, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người luôn bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị, đồng thời có quan hệ với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Tất nhiên, để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I.Lênin cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới.

3.2. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị. C.Mác khẳng định: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản” [11, p. 47], V.I.Lênin trong điều kiện nước Nga Xôviết cũng khẳng định: “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định” [17, p. 309]. Tính tất yếu đó có thể lý giải cụ thể như sau:

- *Một là*, thời kỳ quá độ là thời kỳ có sự đan xen lẫn nhau giữa các yếu tố mới và cũ trong cuộc đấu tranh với nhau. Có thể nói đây là thời kỳ của cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới mà nói chung theo tính tất yếu phát triển lịch sử thì cái mới thường chiến thắng cái cũ, cái lạc hậu. Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không là ngoại lệ lịch sử. Hơn nữa, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một bước nhảy lớn và căn bản về chất so với các quá trình thay thế từ xã hội cũ lên xã hội mới đã từng diễn ra trong lịch sử thì thời kỳ quá độ lại càng là một tất yếu, thậm chí có thể kéo dài. Nhất là đối với những nước còn ở trình độ

tiền tư bản thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì “những cơn đau đẻ” này còn có thể rất dài với nhiều bước quanh co.

- *Hai là*, sự ra đời của một xã hội mới bao giờ cũng có những sự kế thừa nhất định từ những nhân tố do xã hội cũ tạo ra. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là sự kế thừa đối với chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trên phương diện kế thừa cơ sở vật chất kỹ thuật đã được tạo ra bởi sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội mặc dù cũng là nền sản xuất đại công nghiệp nhưng đó là nền sản xuất đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa chứ không phải là nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Do đó, nó cũng cần phải có thời kỳ quá độ của bước cải tạo, kế thừa và tái cấu trúc nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

- *Ba là*, các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa, do vậy cũng cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

- *Bốn là*, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người chủ của xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần phải có thời gian nhất định để thực hiện.

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:

- Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra.

- Quá độ gián tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

3.2.2. Đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Trên lĩnh vực kinh tế

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. Đề cập tới đặc trưng này, V.I.Lênin cho rằng: “Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có. Song không phải mỗi người thừa nhận điểm ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế - xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào? Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở chỗ đó” [13, p. 362]. Tương ứng với nước Nga, V.I.Lênin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế gia trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế xã hội chủ nghĩa.

b. Trên lĩnh vực chính trị

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện chính trị, là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân.

c. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

d. Trên lĩnh vực xã hội

Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần quy định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Bởi vậy, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.3.1. *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*

Xuất phát từ một xã hội vốn là nửa thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.

Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã chỉ rõ: Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội” [18, p. 94]. Quá độ lên

chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.

3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

a. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua 35 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ. Đại hội IV (1976), nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng.

Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng [19, p. 134]. Đến Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng cơ bản [20, p. 68] đó là:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở bảy phương hướng cơ bản phản ánh con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991). Tại Đại hội XI, Đảng ta xác định tám phương hướng [21, p. 7-80] đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, đó là:

- *Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- *Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Ba là*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- *Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- *Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- *Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

- *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

- *Một là*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- *Hai là*, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- *Ba là*, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

- *Bốn là*, phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào

dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

- *Năm là*, quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; Thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội; Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- *Sáu là*, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

- *Bảy là*, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- *Tám là*, tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- *Chín là*, thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; Tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Mười là*, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

- *Mười một là*, tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- *Mười hai là*, tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường;...

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.
2. Trình bày tính tất yếu, đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Đặc điểm, đặc trưng của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

E. TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam: VI, VII, VIII, XIX, X, XI và XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2016.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội: Nxb. Sự Thật, 1991.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.

Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức*: Sinh viên nắm được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

2. *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng vận dụng lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân.

3. *Về thái độ*: Sinh viên khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

B. NỘI DUNG

4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

Nội dung phần này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

a. Quan niệm về dân chủ

Khái niệm dân chủ xuất hiện từ rất sớm - từ thời cổ đại (thế kỷ VII - VI trước công nguyên). Các nhà tư tưởng ở Hy Lạp dùng từ “demokratos” để nói đến dân chủ, trong đó “demos” là nhân dân (danh từ) và “kratos” là cai trị (động từ). Theo cách hiểu này, dân chủ có nghĩa là nhân dân cai trị.

Sau này được các nhà chính trị dịch giản lược là quyền lực của nhân dân hay quyền lực thuộc về của nhân dân. Nội dung trên của khái niệm dân chủ về cơ bản vẫn giữ nguyên cho đến nay. Với nghĩa này có thể hiểu dân chủ được nhìn nhận như một quyền lực mà tất cả quyền lực thuộc về đa số người dân chứ không phải của một nhóm người. Quyền lực này được nhân dân trao cho nhà nước của mình, là người đại diện cho mình.

Từ thực tiễn lịch sử xuất hiện, tồn tại và phát triển của dân chủ, Chủ nghĩa Mác - Lênin đã nêu ra những quan niệm cơ bản về dân chủ như sau:

- Dân chủ là sản phẩm tiến hóa của lịch sử, là nhu cầu khách quan của con người. Với tư cách là quyền lực của nhân dân, dân chủ là sự phản ánh những giá trị nhân văn, là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân chống lại áp bức, bóc lột, bất công.

- Dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có “dân chủ phi giai cấp”, “dân chủ chung chung”. Trong xã hội có giai cấp, việc thực hiện dân chủ cho những tập đoàn người này đã loại trừ hay hạn chế dân chủ của tập đoàn người khác. Mỗi chế độ dân chủ gắn liền với nhà nước đều mang bản chất của giai cấp thống trị. Điều này là tất yếu cho mọi chế độ dân chủ, kể cả chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Dân chủ còn được hiểu với tư cách là một hệ giá trị phản ánh trình độ phát triển cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình giải phóng xã hội, chống áp bức bóc lột và nô dịch để tiến tới tự do, bình đẳng.

b. Sự ra đời, phát triển của dân chủ

Dân chủ và thực hiện dân chủ là nhu cầu khách quan của con người. Ngay từ xã hội công xã nguyên thủy, để duy trì sự tồn tại của mình, con người đã biết tự tổ chức ra những hoạt động có tính cộng đồng, các thành viên công xã đều bình đẳng tham gia vào mọi công việc của xã hội. Việc cử ra những người đứng đầu các cộng đồng và phế bỏ những người đứng đầu nếu không thực thi đúng những qui định chung được giao cho mọi thành viên công xã quyết định thông qua đại hội nhân dân. Đây được coi là hình thức dân chủ sơ khai, chất phác của những tổ chức cộng đồng tự quản trong xã hội chưa có giai cấp.

Trong xã hội Hy Lạp cổ đại, khái niệm dân chủ được hiểu là: “việc cử ra và phế bỏ người đứng đầu” đó là “quyền và sức lực của nhân dân “. Như vậy, ngay từ buổi sơ khai của lịch sử nhân loại, dân chủ được hiểu với tư cách là quyền lực của nhân dân.

Khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ra đời, giai cấp và bất bình đẳng xuất hiện, các hình thức tự quản của xã hội trước đây đã không còn thích

hợp, xã hội cần đến những tổ chức chính trị với những công cụ bạo lực, cưỡng bức để điều chỉnh hoạt động của xã hội, giai cấp và công dân. Trong điều kiện như vậy một tổ chức đặc biệt đã ra đời đó là nhà nước. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, giai cấp chủ nô đã lập ra cơ quan quyền lực nhằm trước hết bảo vệ lợi ích của mình và sau nữa nhằm đáp ứng nhu cầu ổn định trật tự xã hội. Cơ quan quyền lực đó chính là nhà nước dân chủ đối với chủ nô, thực hiện sự thống trị đối với đa số những người lao động, tức những người nô lệ. Nền dân chủ chủ nô được tổ chức thành nhà nước với đặc trưng là dân tham gia bầu cử ra Nhà nước. Tuy nhiên, “Dân là ai?”, theo quy định của giai cấp cầm quyền thì dân chỉ gồm giai cấp chủ nô và phần nào thuộc về các công dân tự do (tăng lữ, thương gia và một số trí thức). Đa số còn lại không phải là “dân” mà là “nô lệ”. Họ không được tham gia vào công việc nhà nước. Như vậy, về thực chất, dân chủ chủ nô cũng chỉ thực hiện dân chủ cho thiểu số, quyền lực của dân đã bị bó hẹp nhằm duy trì, bảo vệ, thực hiện lợi ích của “dân” mà thôi.

Cùng với sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ, lịch sử xã hội loài người bước vào thời kỳ đen tối với sự thống trị của nhà nước chuyên chế phong kiến, chế độ dân chủ chủ nô đã bị xóa bỏ và thay vào đó là *chế độ độc tài chuyên chế*. Sự thống trị của giai cấp trong thời kỳ này được khoác lên chiếc áo thần bí của thế lực siêu nhiên. Họ xem việc tuân theo ý chí của giai cấp thống trị là bổn phận của mình trước sức mạnh của đấng tối cao. Do đó, ý thức về dân chủ và đấu tranh để thực hiện quyền làm chủ của người dân đã không có bước tiến đáng kể nào.

Cuối thế kỷ XIV - đầu XV, giai cấp tư sản với những tư tưởng tiến bộ về tự do, công bằng, dân chủ đã mở đường cho sự ra đời của *nền dân chủ tư sản*. Nền dân chủ này là một bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, do được xây dựng trên nền tảng kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nên trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số những người nắm giữ tư liệu sản xuất đối với đại đa số nhân dân lao động.

Khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thắng lợi (1917), một thời đại mới mở ra - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân

lao động ở nhiều quốc gia giành được quyền làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội, thiết lập Nhà nước công - nông (nhà nước xã hội chủ nghĩa), thiết lập nền *dân chủ vô sản (dân chủ xã hội chủ nghĩa)* để thực hiện quyền lực của đại đa số nhân dân. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện quyền lực của nhân dân - tức là xây dựng nhà nước dân chủ thực sự, dân làm chủ nhà nước và xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích cho đại đa số nhân dân.

4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn quá trình hình thành và phát triển các nền dân chủ trong lịch sử và trực tiếp nhất là nền dân chủ tư sản, các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, đấu tranh cho dân chủ là một quá trình lâu dài, phức tạp và giá trị của nền dân chủ mới, cao hơn nền dân chủ tư sản và đó chính là nền *dân chủ vô sản* hay còn gọi là *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở pháp và công xã Pari năm 1871, tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập.

Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Tuy nhiên, đây là quá trình lâu dài, khi xã hội đã đạt trình độ phát triển cao, xã hội không còn sự phân chia giai cấp, đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa đạt tới mức độ hoàn thiện, khi đó dân chủ xã hội chủ nghĩa với tư cách là một chế độ nhà nước cũng tiêu vong, không còn nữa.

Từ những phân tích trên đây, có thể hiểu dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ. Dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng, được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- *Bản chất chính trị*: Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là *sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó đối với toàn xã hội*, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo - yếu tố quan trọng để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Với nghĩa này, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính nhất nguyên về chính trị. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội về mọi mặt V.I.Lênin gọi là sự thống trị chính trị.

- *Bản chất kinh tế*: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.

- *Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội*: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiên bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc... Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần, được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hóa, một quá trình sáng tạo văn hóa, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người.

4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.2.1. Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định cách mạng vô sản và sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử. Tính tất yếu này được quy định bởi những mâu thuẫn nội tại nảy sinh trong xã hội tư bản. Chính trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa có những yếu tố làm tiền đề cho sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa: tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 làm cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tỏ ra bất lực trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế. Để bảo vệ tài sản riêng của tư sản và thu thêm giá trị thặng dư, giai cấp tư sản đã cố gắng duy trì quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa theo phương thức truyền thống, do đó có lợi cho việc thúc đẩy mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Với việc tập trung tư bản, lực lượng sản xuất đã phát triển đến trình độ cao, người lao động tăng lên về số lượng với trình độ tay nghề cao. Lực lượng sản xuất trình độ cao này đòi hỏi phải cải tạo đúng đắn quan hệ sản xuất mà quan hệ sản xuất phải tiến hành bằng cách mạng xã hội, tất yếu dẫn đến sự thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước mới - nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Với đặc điểm của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và bóc lột tối đa giá trị thặng dư, bản chất của nhà nước tư sản là chuyên chính của giai cấp tư sản. Tích tụ và tập trung tư bản đã đẩy đại bộ phận giai cấp công nhân xuống con đường bán cùng hóa. Mâu thuẫn giữa lao động làm công ăn lương và tư bản ngày càng gay gắt, sự bất công trong xã hội cũng như những chính sách phản động, phản dân chủ đã đưa xã hội tư bản đến sự phân hóa sâu sắc. *Mặt khác*, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa với một nền công nghiệp lớn đã làm tăng đáng kể số lượng công nhân. Đội ngũ này không chỉ lớn về số lượng mà còn ngày càng phát triển về chất lượng và thêm vào đó là một tổ chức rất kỷ luật do nền sản xuất công nghiệp tạo ra. Chính điều này đã làm cho giai cấp công nhân

trở thành một giai cấp tiên tiến trong xã hội và có vai trò lịch sử là vùng lên lãnh đạo cách mạng vô sản, xóa bỏ nhà nước tư sản, thành lập nhà nước nhân dân.

Giai cấp công nhân có vũ khí tư tưởng và lý luận tối tân là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức đúng đắn các quy luật vận động và phát triển của xã hội. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở lý luận để giai cấp công nhân tổ chức và lãnh đạo các cuộc cách mạng, xây dựng nhà nước và xã hội của mình. Trong cuộc đấu tranh này, hạt nhân lãnh đạo của các đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng và trở thành nhân tố quyết định thắng lợi về lợi ích của cách mạng vô sản. Ở mỗi nước với những đặc điểm riêng đều có những nhân tố tác động đến cách mạng vô sản. Vì vậy, ở các nước khác nhau, cách mạng vô sản diễn ra ở những thời điểm khác nhau không hoàn toàn giống nhau về hình thức. Cách mạng vô sản tiến hành nhanh hay chậm đều chịu sự tác động của nhiều nhân tố, đó là các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng và thời đại, nhân tố dân tộc,...

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- *Về chính trị*, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân - giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị.

- *Về kinh tế*, bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là quan hệ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- *Về văn hóa, xã hội*, nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiên bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân

hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin thì bất kỳ nhà nước nào cũng có ba chức năng cơ bản: quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định; Có một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội; Hình thành hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, do bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất của giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc. Nên chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện tập trung ở việc quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực bằng pháp luật. Chức năng giai cấp của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thực hiện cả bằng tổ chức có hiệu quả công việc xây dựng toàn diện xã hội mới, và bằng việc xây dựng những công cụ bạo lực để đập tan sự phản kháng của kẻ thù chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, giữ vững an ninh xã hội.

Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi nhà nước, do đó, bạo lực, trấn áp cũng là cái vốn có của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin đều cho rằng với bản chất của nhà nước vô sản, thì việc tổ chức, xây dựng mang tính sáng tạo nhằm cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chức năng căn bản, chủ yếu.

Khi xác định những nấc thang, những giai đoạn phát triển của một cuộc cách mạng xã hội do giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm đi tới giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và phát triển toàn diện con người, C.Mác và Ph.Ăngghen đều cho rằng, việc công nhân giành lấy quyền lực nhà nước mới chỉ là giai đoạn đầu tiên. Giai đoạn tiếp theo là, phải sử dụng quyền lực nhà nước “để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất “. Như vậy, rõ ràng chức năng tổ chức và xây dựng phải là chức năng chủ yếu của nhà nước của giai cấp công nhân.

4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

- *Một là*, dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Chỉ trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước.

Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực thi công vụ không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân. Ngược lại, nếu các nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, thì việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng sẽ không thực hiện được. Khi đó, quyền lực của nhân dân sẽ bị biến thành quyền lực của một nhóm người, phục vụ cho lợi ích của một nhóm người.

- *Hai là*, ra đời trên cơ sở nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân. *Ngược lại*, nếu nhà nước xã hội chủ nghĩa đánh mất bản chất của mình sẽ tác động tiêu cực đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, sẽ dễ dẫn tới việc xâm phạm quyền làm chủ của người dân, dẫn tới chuyên chế, độc tài, thủ tiêu nền dân chủ hoặc dân chủ chỉ còn là hình thức.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; Là thiết chế tổ chức có hiệu

quả việc xây dựng xã hội mới; Là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện.

4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời và phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976 tên nước đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng trong các Văn kiện Đảng hầu như chưa sử dụng cụm từ “dân chủ xã hội chủ nghĩa” mà thường nêu quan điểm “xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa” gắn với “nắm vững chuyên chính vô sản”. Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng chưa được xác định rõ ràng. Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thực hiện dân chủ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam, gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật, kỉ cương cũng chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực. Nhiều lĩnh vực liên quan mật thiết đến dân chủ xã hội chủ nghĩa như dân sinh, dân trí, dân quyền...chưa được đặt đúng vị trí và giải quyết đúng để thúc đẩy việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” [22, p. 28].

Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta đã có nhiều điểm mới. Qua mỗi kì đại hội của Đảng thời kì đổi mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Cũng như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, dân làm chủ.

- Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Nước ta là một nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới là trách nhiệm của dân... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã khẳng định, dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chế độ xã hội xã hội “*do nhân dân làm chủ*”, ở đó, quyền làm chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ và làm chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội theo nguyên tắc Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động lãnh đạo, thực hiện nhất nguyên về chính trị. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng các hình thức trực tiếp và gián tiếp, thông qua các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong đó nòng cốt là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, trên cơ sở nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Với bản chất và đặc điểm nêu trên, dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là chế độ dân chủ thực sự, không phải là dân chủ hình thức, cực đoan, vô chính phủ. Nó đối lập với chuyên quyền độc đoán, đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, quan liêu. Nói một cách khác, dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ thấm nhuần đầy đủ và sâu sắc nhất tính pháp lý và tính nhân văn.

Trong những năm thực hiện đổi mới, Đảng đã nhận thức sâu sắc rằng để đi lên chủ nghĩa xã hội, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc..., nhất thiết phải xây dựng thành công nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì “*dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là*

động lực của sự phát triển”, không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội. Với tư cách là đỉnh cao trong toàn bộ lịch sử tiến hoá của dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa kết tinh trong bản thân mình toàn bộ những giá trị dân chủ đạt được trong lịch sử và nảy sinh những giá trị dân chủ mới về chất. Ở đây, dân chủ trở thành giá trị phổ biến của xã hội, thâm nhập vào mọi quan hệ chính trị - xã hội, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao quát mọi góc độ trong sự tồn tại của con người, tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người. Đây cũng là căn cứ để Đảng ta xác định, dân chủ là một trong những thành tố quan trọng trong hệ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, *dân chủ*, công bằng, văn minh”.

Trên cơ sở những chỉ báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ “dân là chủ” đến “dân làm chủ” là một bước phát triển về chất, Đảng ta không chỉ xác định vị thế, tư cách chủ thể xã hội là của nhân dân, “dân là gốc”, mà quan trọng hơn, bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phải làm cho nhân dân được hưởng quyền làm chủ và có năng lực, phương pháp, bản lĩnh làm chủ trên thực tế... khi đó, dân chủ trở thành động lực để xây dựng, phát triển đất nước. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “...thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*Dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ*”” [22; p. 27].

- *Xây dựng nền dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ thực sự thuộc về nhân dân là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.*

Thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt qua 35 năm đổi mới, thể hiện rất rõ và hết sức sinh động những tiến bộ đạt được trong phát huy dân chủ, cũng như xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Quan niệm về dân chủ ngày càng được mở rộng. Dân chủ được xem xét trên nhiều khía cạnh: là chế độ chính trị; Là giá trị; Là phương thức và nguyên tắc tổ chức xã hội; Dân chủ chung đối với xã hội và dân chủ riêng đối với mỗi cá nhân; Dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Dân chủ phải được thể hiện trong tất cả các cấp độ: Từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến từng cơ sở, đặc biệt quan trọng là dân chủ ở cơ sở.

Để xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu đòi hỏi phải có một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, nhằm đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng thông qua Nhà nước lãnh đạo toàn xã hội phát triển theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa. Nhà nước là tổ chức quyền lực của nhân dân, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, tổ chức quản lý, điều hành xã hội để hiện thực đường lối chính trị của Đảng, hành động vì quyền lợi của nhân dân.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; Đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan của nhà nước được phân quyền rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thế lực, giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, cách tiếp cận và những đặc trưng về nhà nước pháp quyền vẫn có những cách hiểu khác nhau. Song, từ những cách tiếp cận đó, nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật

phải đảm bảo tính nghiêm minh; Trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

Ở Việt Nam, khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29/11/1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng năm 1994 cũng như trong các văn kiện khác của Đảng. Tiếp theo là tại các Đại hội lần thứ X và XI của Đảng đã có bước phát triển về chất trong nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thế chế hoá quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “1. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- *Thứ nhất*, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- *Thứ hai*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

- *Thứ ba*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- *Thứ tư*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của nhà nước được giám sát bởi phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

- *Thứ năm*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của

nhân dân được thực hành một cách rộng rãi, “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”, đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

- *Thứ sáu*, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

- *Một là*, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp. Cùng với đó là có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế phải được tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Ban hành văn bản, quy định của thể chế; Xây dựng cơ chế vận hành, thực thi thể chế trong hoạt động kinh doanh cụ thể; Hoàn thiện bộ máy tổ chức theo dõi, giám sát việc thi hành thể chế, xử lý vi phạm và tranh chấp trong thực thi thể chế. Đồng thời, phải phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Hình thành việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh phù hợp với Việt Nam.

- *Hai là*, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Đảng phải dân chủ hóa trong sinh hoạt, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

- *Ba là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất. Chính vì vậy, tất cả các chính sách, pháp luật đều phải dựa vào ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Nhà nước đảm bảo quyền tự do của công dân, đảm bảo danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bằng pháp luật và trên thực tế của đời sống xã hội.

- *Bốn là*, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Các tổ chức chính - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạo ra khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội. Đồng thời tham gia vào bảo vệ chính quyền, xây dựng Đảng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

- *Năm là*, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nó ảnh hưởng tới đời sống tâm lý của nhân dân khi nhìn nhận đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần cụ thể hóa hơn nữa các quy chế và hình thức thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân đối với các vấn đề phát triển của đất nước.

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- *Một là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức

quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- *Hai là*, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiến toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở nước ta, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; Thực hiện một số nhiệm vụ thuộc quyền hành pháp và tư pháp, quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các ngành dịch vụ công phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Ba là*, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

- *Bốn là*, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiến hành tiết kiệm là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí; Xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng; Xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm; Động viên và khuyến khích toàn Đảng, toàn dân thực hành tiết kiệm.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa.
2. Bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.
3. Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Nội dung và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. So sánh Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với nhà nước pháp quyền ở các nước trong khu vực và thế giới.

2. Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

E. TÀI LIỆU TÌM ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.

2. Nguyễn Quang Mạnh, *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: lý luận và thực tiễn*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010.

3. Đào Trí Úc, *Giáo trình Nhà nước pháp quyền*, Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia, 2015.

Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. *Về kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. *Về thái độ:* Sinh viên nhận thức được về tầm quan trọng và thấy được sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Nội dung chương này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp

a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu - xã hội giai cấp

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo,... Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu về cơ cấu xã hội - giai cấp vì đó là một trong những cơ sở để nghiên cứu vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong một xã hội nhất định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ của họ đó là cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ,... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời.

b. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Song vị trí, vai trò của các loại cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, *cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quyết định nhất*, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

- Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước. Đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không được tuyệt đối hóa nó và xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác, từ đó có thể dẫn đến sự

tùy tiện, muốn xóa bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp một cách giản đơn theo ý muốn chủ quan của nhà cầm quyền.

5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Một là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ chế kinh tế... Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Trong mỗi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy” [24, p. 11].

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân cùng toàn thể các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kì mới, cơ cấu kinh tế - xã hội có những biến đổi và những thay đổi đó tất yếu cũng dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xu hướng biến đổi này diễn ra rất khác nhau ở các quốc gia khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do bị quy định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

- *Hai là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã được “thai nghén” từ trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa, do vậy ở giai đoạn đầu của nó vẫn còn những “dấu vết của xã hội cũ” được phản ánh “về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần” [11, p. 33]. Bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai

cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng, do vậy tất yếu sẽ diễn ra sự tồn tại “đan xen” giữa những yếu tố cũ và yếu tố mới. Đây là vấn đề mang tính quy luật và được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- *Ba là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở Châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỉ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành “bài đờn ca ai điều” [11, p. 33].

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng khẳng định liên minh công - nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. V.I.Lênin chỉ rõ: “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó... Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước” [25, p. 57].

Xét dưới góc độ chính trị - xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng này cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng xã hội mới.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những cơ sở kinh tế sẽ vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết: “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được” [26, p. 218].

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân

với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc.

Như vậy, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng. Sự biến đổi phức tạp, đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyên hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp thì vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng được khẳng định.

+ *Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*

và là lực lượng nòng cốt trong liên minh với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức [7, p. 43-44].

+ *Giai cấp nông dân* cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch. Phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp...

+ *Đội ngũ trí thức* là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

+ *Đội ngũ doanh nhân*. Hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong tầng lớp doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

+ *Phụ nữ* là một lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội và góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trong gia đình. Ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào,

phụ nữ cũng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ *Đội ngũ thanh niên.* Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp thiết thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trí xứng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh.

- *Nội dung kinh tế.*

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kĩ thuật của liên minh trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thực của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất - kĩ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “phát triển kinh tế nhanh và bền vững; ... giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, các lĩnh vực; Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa...” [21, p. 77].

- *Nội dung chính trị.*

Cần thực hiện khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn, thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng lên chủ nghĩa xã hội.

- *Nội dung văn hóa xã hội.*

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội” [21, p. 124]. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [21, p. 121-126].

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đối giảm nghèo. Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân. Chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân. Nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh phát triển bền vững.

b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- *Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ.

Tăng trưởng kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội...

- *Hai là*, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội -giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên

quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội.

- *Ba là*, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- *Bốn là*, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất. Để

thực hiện tốt giải pháp này thì vai trò của đội ngũ trí thức, của đội ngũ doanh nhân là rất quan trọng.

- *Năm là*, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân. Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ vấn đề này ở Việt Nam.

2. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam.

3. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

E. TÀI LIỆU TÌM ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
4. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.

Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức:* Sinh viên nắm được quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và tôn giáo; mối quan hệ dân tộc - tôn giáo và quan điểm, nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của nhà nước Việt Nam hiện nay.

2. *Về kỹ năng:* Sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.

3. *Về thái độ:* Sinh viên thấy rõ tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc của Đảng, Nhà nước.

B. NỘI DUNG

6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc là một hình thức tổ chức cộng đồng người có tính chất ổn định được hình thành trong lịch sử, là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội. Lịch sử xã hội đã cho thấy, trước khi cộng đồng dân tộc ra đời, loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng: thị tộc, bộ lạc và bộ tộc. Những hình thức cộng đồng này có sự phát triển từ thấp đến cao theo sự biến đổi của phương thức sản xuất.

Sự hình thành cộng đồng dân tộc trên thế giới diễn ra không đều nhau. Ở các nước phương Tây, sự hình thành dân tộc gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo V.I.Lênin, ở các nước phương Tây chỉ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cộng đồng bộ tộc mới phát triển thành cộng đồng dân tộc. Bởi vì, do sự phát triển của lực lượng sản xuất và trên cơ sở đó nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa mở rộng đã phá vỡ tình trạng cát cứ phong kiến, thị trường có tính địa phương khép kín bị xóa bỏ và thị trường dân tộc xuất hiện. Cùng với quá trình kinh tế đó là sự phát triển ngày càng chín muồi

các nhân tố ý thức tộc người, văn hóa, ngôn ngữ đã tác động hình thành dân tộc trên cơ sở một bộ tộc hoặc do nhiều bộ tộc hợp nhất lại. Đây là loại hình dân tộc chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, do giai cấp tư sản lãnh đạo, nên được gọi là dân tộc tư sản. Trong khi đó ở phần lớn các nước phương Đông, sự hình thành cộng đồng dân tộc chịu sự tác động của hoàn cảnh lịch sử có tính đặc thù, trong đó, các yếu tố cố kết tự nhiên - xã hội, quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước... đã hình thành nên dân tộc. Do đó, cộng đồng dân tộc đã ra đời trước khi chủ nghĩa tư bản được xác lập. Có thể coi đây là loại hình dân tộc tiền tư bản hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một ý thức, tâm lý dân tộc phát triển chín muồi nhưng lại có một cơ sở kinh tế chưa phát triển.

Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa:

- *Một là*, dân tộc (Nation) chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong quá trình dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó - quốc gia dân tộc.

- *Hai là*, dân tộc (sắc tộc - Ethnic) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia.

Với góc độ nghiên cứu môn học chủ nghĩa xã hội khoa học, dân tộc được hiểu theo nghĩa quốc gia - dân tộc, có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Có chung một vùng lãnh thổ ổn định: Lãnh thổ là dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lý của một dân tộc, biểu thị vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc được quyền sở hữu. Lãnh thổ là yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc trong tương quan với các quốc gia - dân tộc khác.

- Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế: Mối quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.

- Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp: Mỗi một dân tộc có ngôn ngữ riêng, bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và tình cảm... Trong một quốc gia có nhiều cộng đồng tộc người với các ngôn ngữ khác nhau, nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung, thống nhất.

- Có chung một nền văn hóa và tâm lý: Văn hóa dân tộc được biểu hiện thông qua tâm lý, tính cách, phong tục, tập quán, lối sống dân tộc, tạo nên bản sắc riêng của từng dân tộc. Trong sinh hoạt cộng đồng, các thành viên của dân tộc thuộc những thanh phần xã hội khác nhau tham gia vào sự sáng tạo giá trị văn hóa chung của dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị văn hóa chung đó.

6.1.2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Khi nghiên cứu về dân tộc và phong trào dân tộc trong chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin đã chỉ ra hai xu hướng phát triển có tính khách quan của dân tộc:

- *Xu hướng thứ nhất:* Do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Thực tế này đã diễn ra ở những quốc gia, khu vực nơi có nhiều cộng đồng dân cư với nguồn gốc tộc người khác nhau trong chủ nghĩa tư bản. Xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc để hướng tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập và có tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản. Trong xu hướng đó, nhiều cộng đồng dân cư đã ý thức được rằng, chỉ trong cộng đồng dân tộc độc lập họ mới có quyền quyết định con đường phát triển của dân tộc mình.

- *Xu hướng thứ hai:* Các dân tộc ở từng quốc gia, kể cả các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của giao lưu kinh tế, văn hóa trong chủ nghĩa tư bản đã tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế mở rộng giữa các dân tộc, xóa bỏ sự biệt lập, khép kín, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời điểm chủ nghĩa đế quốc đang bành trướng, sự vận động của hai xu hướng trên gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Xu hướng các dân tộc xích lại gần

nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận, thay vào đó là những khối liên hiệp với sự áp đặt, thống trị của chủ nghĩa đế quốc nhằm áp bức, bóc lột các dân tộc còn nghèo nàn và lạc hậu.

Sau thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga, một thời đại mới đã xuất hiện - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Có thể nói đây cũng là một sự quá độ lên một xã hội trong đó các quyền tự do, bình đẳng và mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa người được thực hiện. Với thắng lợi của cách mạng vô sản, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền tạo tiền đề cho tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng mở ra quá trình hình thành và phát triển của dân tộc xã hội chủ nghĩa.

b. Cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin là một bộ phận không thể tách rời trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân, là tuyên ngôn về vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc. Cương lĩnh đã trở thành cơ sở lý luận cho chủ trương, đường lối và chính sách dân tộc của các Đảng Cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh gồm các điểm chính sau:

- *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.*

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Tất cả các dân tộc, dù đông hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ cho bất cứ dân tộc nào. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và trong thực tế phải được thực hiện, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Mọi quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

- *Các dân tộc được quyền tự quyết.*

Về thực chất, quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, quyền tự quyết định con đường phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập (vì lợi ích của các dân tộc, chứ không phải vì mưu đồ và lợi ích của một nhóm người nào) và quyền tự nguyện liên hiệp lại với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân: ủng hộ các phong trào tiên bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc.

- *Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.*

Đây là tư tưởng, nội dung cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của Lênin. Tư tưởng này là sự thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và phản ánh tính thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc có ý nghĩa lớn lao đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Đồng thời, đây cũng là yếu tố tạo nên sức mạnh đảm bảo cho thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

6.1.3. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

- *Thứ nhất*, có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

Theo kết quả thống kê tại thời điểm 1/4 /2019, Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó, dân tộc Kinh chiếm 85,3% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số chiếm 14,7% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có dân tộc với số dân lớn hơn 1 triệu (Tày, Thái, Mường, Khơ me, Mông...), nhưng có dân tộc với số dân chỉ vài ba trăm người (Si la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ođú) [27].

- *Thứ hai*, các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn.

- *Thứ ba*, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Mặc dù chỉ chiếm 14,7% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái - đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực như: dân tộc Thái, dân tộc Mông, dân tộc Khome, dân tộc Hoa... do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

- *Thứ tư*, các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.

Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. *Về phương diện xã hội*, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số khác nhau. *Về phương diện kinh tế*, có thể phân loại các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau. Một số ít các dân tộc thiểu số còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên. Tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiên bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật* của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

- *Thứ năm*, các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

Đặc trưng này được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

- *Thứ sáu*, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

b. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

- *Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc.*

Quan điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung sau:

+ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

+ Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

+ Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi. Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc. Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

+ Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo. Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái. Phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

+ Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

- *Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.*

Chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

+ *Về chính trị:* thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ *Về kinh tế:* nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

+ *Về văn hóa:* xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc.

+ *Về xã hội:* thực hiện chính sách, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù của mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

+ *Về an ninh quốc phòng,* tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc, trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

6.2. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

- Bản chất của tôn giáo.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội ra đời rất sớm trong lịch sử nhân loại và tồn tại phổ biến ở hầu hết các cộng đồng người trong lịch sử hàng ngàn năm qua. Nói chung, bất cứ tôn giáo nào, với hình thái phát triển đầy đủ của nó, cũng đều bao gồm: ý thức tôn giáo (thể hiện ở quan niệm về các đấng thiêng liêng cùng những tín ngưỡng tương ứng) và hệ thống tổ chức tôn giáo cùng với những hoạt động mang tính chất nghi thức tín ngưỡng của nó.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: "...tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ. Chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế" [4, p. 437].

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện tự nhiên và lịch sử cụ thể, xác định. Về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bế tắc, bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị phù hợp với đạo đức, đạo lý con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, các thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế.

Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm

tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc, tín ngưỡng Thờ mẫu...

- *Nguồn gốc của tôn giáo.*

+ *Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội.* Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí. Bên cạnh đó, sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bất công xã hội cùng với những thất vọng, bất hạnh trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị.

+ *Nguồn gốc nhận thức.* Ở một giai đoạn xã hội nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình có giới hạn, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

+ *Nguồn gốc tâm lý.* Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm "sự sợ hãi sinh ra thần linh". V.I.Lênin tán thành và phân tích thêm: sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản..., sự phá sản "đột ngột", "bất ngờ", "ngẫu nhiên", làm họ bị diệt vong..., dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại. Ngoài sự sợ hãi trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo làm nảy sinh những tình cảm như lòng biết ơn, sự kính trọng, tình yêu trong quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người.

- *Tính chất của tôn giáo.*

+ *Tính lịch sử của tôn giáo.* Mặc dù tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng nó chỉ là một phạm trù lịch sử. Tôn giáo không phải xuất hiện cùng với sự xuất hiện của con người. Tôn giáo chỉ xuất hiện khi khả năng tư duy trừu tượng của con người đạt tới một mức độ nhất định. Tôn giáo là sản phẩm của lịch sử. Trong từng

thời kỳ của lịch sử, tôn giáo có sự biến đổi cho phù hợp với kết cấu chính trị và xã hội của thời đại đó. Thời đại thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi, điều chỉnh theo. Đến một giai đoạn lịch sử, khi những nguồn gốc sản sinh ra tôn giáo bị loại bỏ, khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi con người. Đương nhiên, để đi đến trình độ đó sẽ còn là một quá trình phát triển rất lâu dài của xã hội loài người.

+ *Tính quần chúng của tôn giáo.* Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới) mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội tin theo.

+ *Tính chính trị của tôn giáo.* Trong xã hội không có giai cấp, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt về lợi ích, các giai cấp thống trị đã lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình. Những cuộc chiến tranh tôn giáo trong lịch sử và hiện tại, như các cuộc thập tự chinh thời trung cổ ở châu Âu hay xung đột tôn giáo ở bán đảo Balkan, ở Pakistan, Ấn Độ, Algeria, Bắc Ailen, Bắc Kavkaz (Nga) ... đều xuất phát từ những ý đồ của những thế lực khác nhau trong xã hội, lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình. Trong nội bộ các tôn giáo, cuộc đấu tranh giữa các dòng, hệ, phái... nhiều khi cũng mang tính chính trị. Trong những cuộc đấu tranh ý thức hệ, thì tôn giáo thường là một bộ phận của đấu tranh giai cấp.

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.* Tôn trọng tự do tín ngưỡng là xuất phát từ việc tôn trọng quyền con người,

thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân.

- *Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.* Nguyên tắc này để khẳng định Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo.

- *Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.* Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiền bộ với phản tiền bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo.

- *Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.* Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- *Thứ nhất,* Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo.

Hiện nay, ở Việt Nam có 16 tôn giáo được Nhà nước công nhận, gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo, Tôn giáo Baha'I, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội, Cơ đốc Phục lâm, Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa, Minh Sư đạo, Minh lý đạo - Tam Tông Miếu, Bà-la-môn giáo, Mặc môn, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon, Bửu Sơn Kỳ Hương; với 43 tổ chức tôn giáo, hơn 26,5 triệu tín đồ

các tôn giáo, chiếm 28% dân số cả nước với hàng nghìn cơ sở thờ tự [28]. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như đạo Phật, đạo Công Giáo, đạo Tin lành, đạo Hồi. Có tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

- *Thứ hai*, tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

- *Thứ ba*, tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động, bao gồm nông dân, công nhân... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc. Nhưng là tín đồ tôn giáo, đồng bào có nhu cầu tín ngưỡng, có ước vọng sống “*tốt đời, đẹp đạo*”.

- *Thứ tư*, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

- *Thứ năm*, các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mới các mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

- *Thứ sáu*, tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng.

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn chú ý ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động làm sâu uất, phát triển tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng để cạnh tranh ảnh hưởng và làm đối trọng với Đảng Cộng sản, đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước. Tìm mọi cách quốc tế hóa “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam để tố cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

b. Chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng ta khẳng định, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- *Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.* Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- *Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.* Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

- *Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.* Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị, do Đảng lãnh đạo.

- *Vấn đề theo đạo và truyền đạo.* Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải

tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Nội dung phần này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; Quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, gắn đạo với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết ý thức rõ về cội nguồn, về một quốc gia - dân tộc thống nhất cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian gần đây, ở nhiều nước, nhiều nơi trên thế giới nổi lên xu hướng xung đột dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định chính trị - xã hội, thậm chí chiến tranh nội chiến bùng phát. Trong bối cảnh đó, ở Việt Nam, trong lịch sử phát triển của dân tộc, nhất là từ sau khi đất nước giành được độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ dân tộc và tôn giáo luôn được coi trọng và nhìn chung được giải quyết khá tốt, không dẫn đến những xung đột lớn trong nội bộ quốc gia. Mặc dù vậy, trong triển khai hoạt động thực tiễn, do nhận thức hoặc do thực hiện chưa đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo, nên có nơi có lúc quan hệ này vẫn nảy sinh những mâu thuẫn cần phải nhận diện rõ và đánh giá một cách khách quan, khoa học để tiếp tục tăng cường giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo nhằm một mặt, phát huy những giá trị tốt đẹp của các dân tộc và những giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo, tín ngưỡng, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam; Mặt khác, đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia.

- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.

Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ, trên phạm vi cả nước, diễn ra trong mọi gia đình, dòng họ không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trong đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc, những người có công với dân, với nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt.

Chính tín ngưỡng truyền thống đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, thậm chí, chi phối mạnh mẽ, làm biến đổi các nền văn hóa, các tôn giáo bên ngoài khi du nhập vào Việt Nam. Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa trên thế giới và phần lớn các tôn giáo đều là tôn giáo ngoại sinh. Các nền văn hóa hay các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào muốn “cắm rễ”, phát triển được trên lãnh thổ Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc, với nền tảng văn hóa bản địa, trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống, nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Sự biến đổi của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo khi vào Việt Nam là những ví dụ điển hình.

- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Từ khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường, tiến hành hội nhập quốc tế sâu rộng thì đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam phát triển, trong đó xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới như Long Hoa Di Lặc, Tin Lành Vàng Chứ, Thanh Hải vô thượng sư,...; các tổ chức đội lốt tôn giáo như Tin Lành Đền Ga, Hà Môn ở Tây Nguyên. Tính chất mê tín của các hiện tượng tôn giáo mới khá rõ. Thậm chí, một số nhóm lợi dụng niềm tin tôn giáo để tuyên truyền những nội dung gây hoang mang trong quần chúng, hay thực hành những nghi lễ phản văn hóa, truyền đạo trái phép, phát tán các tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm phương hại đến mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, gây ra nhiều vấn đề phức tạp và tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nhiều vùng dân tộc. Do vậy, các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lý tốt

nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở nhận diện rõ các đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay, quá trình giải quyết mối quan hệ này cần quán triệt một số quan điểm sau:

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.

Trong lịch sử phát triển, từ khi nước nhà độc lập, Đảng ta luôn khẳng định: xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam; Phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, đồng thời phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước.

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam càng cần có một sự đoàn kết rộng rãi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo... để tạo động lực to lớn thúc đẩy công cuộc kiến tạo đất nước phồn vinh, phát triển bền vững và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của quốc gia. Với yêu cầu đó, xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải luôn là môi trường, điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả các dân tộc, các tôn giáo được tự do phát triển theo đúng quy định của pháp luật, phát huy mọi nguồn lực đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn này cũng đặt ra yêu cầu: ở mỗi giai đoạn lịch sử, việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần có cách tiếp cận và lựa chọn ưu tiên giải quyết phù hợp với bối cảnh, tình hình của giai đoạn đó; Đồng thời phải luôn nhận diện đầy đủ và giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong mối quan hệ dân tộc và tôn giáo.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tôn giáo và dân tộc là hai vấn đề rất nhạy cảm. Những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo nếu không được giải quyết một cách thỏa đáng sẽ dẫn tới nguy cơ gây mất ổn định chính trị, xã hội, dễ tạo có cho các thế lực thù địch bên ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước. Vì vậy, để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, cần phải tuân thủ nguyên tắc: giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở vấn đề dân tộc, tuyệt đối không được lợi dụng vấn đề tôn giáo đòi ly khai dân tộc, hay chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc làm tổn hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, mà phải đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước. Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2018 quy định: “Tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Thực hiện quan điểm có tinh nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở mỗi địa bàn, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo cũng như đảm bảo sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ trong một cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

Trong các mối quan hệ xã hội thì quan hệ dân tộc, tôn giáo và nhân quyền là những quan hệ phức tạp, giữa chúng có sự tác động tương hỗ, thống nhất với nhau, đồng thời quy định lẫn nhau. Do vậy, việc giải quyết tốt mối quan hệ này là nhằm đảm bảo cho con người những quyền cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo. Song quyền phải gắn liền với pháp luật, do vậy đảm bảo quyền của các dân tộc, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cũng chính là đảm bảo thực hiện những nội dung cốt yếu của quyền con người trong khuôn khổ pháp luật.

Tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, làm tốt công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện các chương trình phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng công an, quân đội với các đoàn thể trong công tác dân tộc, tôn giáo để nắm chắc tình hình, quản lý chặt đối tượng, sẵn sàng các phương án chủ động

đấu tranh ngăn chặn các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Chủ động vạch trần những âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, hoặc kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề tôn giáo nhằm “tôn giáo hóa dân tộc” của chúng. Kiên quyết đấu tranh, xử lý các tổ chức, các đối tượng có các hoạt động vi phạm pháp luật truyền đạo trái phép, hoặc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và nhân quyền để kích động quần chúng, chia rẽ tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Tóm lại, nhận diện rõ những đặc điểm của quan hệ dân tộc, tôn giáo ở nước ta hiện nay để một mặt tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp này nhằm tạo sự đồng thuận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *Mặt khác*, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn mọi tác động tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất ổn định chính trị và phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

3. Làm rõ quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

4. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Tự do tôn giáo được thể hiện cụ thể như thế nào trong chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Lấy Ví dụ thực tiễn.

2. Vì sao vấn đề dân tộc luôn gắn liền với vấn đề tôn giáo và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

E. TÀI LIỆU TÌM ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2018.

3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.

Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

1. *Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. *Về kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này.

3. *Về thái độ:* Sinh viên có thái độ và hành vi đúng đắn trong xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

B. NỘI DUNG

7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

7.1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình có vị trí đặc biệt quan trọng và là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, những chủ đề nghiên cứu về gia đình luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, tuy nhiên hiện nay có rất nhiều quan điểm về gia đình. Tùy theo phương pháp và cách tiếp cận, người ta có thể đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về gia đình, như:

- Gia đình là thiết chế xã hội, trong đó những người có quan hệ ruột thịt (hoặc đặc biệt cùng chung sống). Gia đình là phạm trù biến đổi mang tính lịch sử và phản ánh văn hóa của dân tộc và thời đại. Gia đình là trường học đầu tiên có mối quan hệ biện chứng với tổng thể xã hội.

- Gia đình - đơn vị xã hội (nhóm xã hội nhỏ), là hình thức tổ chức xã hội quan trọng nhất của sinh hoạt cá nhân dựa trên hôn nhân và các quan hệ huyết thống, tức là quan hệ vợ chồng, giữa cha và mẹ, giữa anh chị em và người thân thuộc khác cùng chung sống và có kinh tế chung.

Kế thừa những yếu tố hợp lý trong tiếp cận quan niệm về gia đình, xuất phát từ thực tế đời sống hôn nhân gia đình và hướng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học thì *Gia đình là một nhóm người được hình thành, tồn tại và phát triển*

trên cơ sở các quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên. Giữa họ có chung những giá trị vật chất, tinh thần và cùng thực hiện các chức năng phù hợp với yêu cầu của mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

a. Gia đình là tế bào của xã hội

Bất kỳ hình thái xã hội nào, muốn tồn tại và phát triển đều cần đến hai loại sản xuất. Đó là sản xuất ra các tư liệu sinh hoạt và sản xuất ra con người. Trong đó sản xuất ra con người là một chức năng đặc thù của gia đình. Vì vậy, gia đình đóng vai trò quan trọng đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại, một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; Mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống” [24, p. 44].

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người thì gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “...nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình” [29, p. 531].

Như vậy, gia đình có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội, là nhân tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. Gia đình như một tế bào tự nhiên, là đơn vị nhỏ nhất để tạo nên xã hội, điều đó có nghĩa là quan hệ gia đình và xã hội là quan hệ giữa tế bào và cơ thể. Cố nhiên là tế bào có lành mạnh, khoẻ mạnh thì cơ thể mới lành mạnh, khoẻ mạnh. Gia đình có tốt thì xã hội mới tốt.

Tuy nhiên mức độ tác động của gia đình đối với xã hội còn phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội. Trong các chế độ xã hội dựa trên chế độ tư hữu

về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội.

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

Gia đình là nơi nuôi dưỡng, là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc cho mỗi con người. Hạnh phúc gia đình là tiền đề để hình thành nên nhân cách tốt cho những công dân của xã hội. Khoa học và thực tế cuộc sống xác nhận rằng, một khi con người có đời sống tình yêu, hôn nhân và gia đình tốt đẹp thì họ đến với lao động xã hội với một trạng thái tinh thần, năng suất và hiệu quả cao, và ngược lại.

Chính vì gia đình có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển và tiến bộ của xã hội mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của nhà nước phải chú ý đến xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình với mọi người”.

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Mỗi cá nhân chỉ có thể sinh ra trong gia đình. Không thể có con người sinh ra từ bên ngoài gia đình. Gia đình là môi trường đầu tiên có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển tính cách của mỗi cá nhân. Và cũng chính trong gia đình, mỗi cá nhân sẽ học được cách cư xử với người xung quanh và xã hội.

Gia đình không chỉ có chức năng sinh đẻ đơn thuần, mà còn là môi trường giáo dục đầu tiên, có ảnh hưởng trực tiếp, rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, đến lượt nó có ảnh hưởng hoặc tích cực, hoặc tiêu cực đến sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Con người trước khi là thành viên của xã hội thì đã là thành viên của gia đình. Nhiều thông tin tác động đến con người thông qua gia đình, xã hội (nhà nước, cơ quan, bạn bè...) nhận thức toàn diện và đầy đủ hơn về một con người khi nhận rõ được hoàn cảnh gia đình của người ấy. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua hoạt động của các thiết chế xã hội mà còn thông qua hoạt động của gia đình để có tác động đến con

người. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi con người được thực hiện với sự hợp tác chung của các thành viên trong gia đình. Qua đó, ý thức công dân của mỗi con người được nâng cao và sự gắn bó giữa gia đình và xã hội có nội dung xác thực

7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

- *Chức năng tái sản xuất ra con người.*

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng nó không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, nó quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt đời sống của xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp.

- *Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục.*

Gia đình thực hiện chức năng giáo dục đối với các thế hệ kế tiếp bắt đầu từ khi mỗi thành viên được sinh ra cho đến khi trưởng thành và thậm chí cho đến suốt đời. Giáo dục trong gia đình có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách cá nhân. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với một đời người.

- *Chức năng kinh tế.*

Đây là chức năng cơ bản quan trọng của gia đình nhằm tạo ra của cải, vật chất, là chức năng đảm bảo sự sống còn của gia đình, đảm bảo cho gia đình được ấm no, giàu có làm cho dân giàu, nước mạnh như. Chức năng này bao quát về nhu

cầu ăn, ở, tiện nghi, là sự hợp tác kinh tế giữa các thành viên trong gia đình nhằm thỏa mãn nhu cầu của đời sống.

Để có kinh tế của mỗi gia đình ngày càng được cải thiện và nâng cao, ngoài những thành viên đang còn ở độ tuổi trẻ em thì những thành viên đang ở độ tuổi lao động cần có một công việc, một mức thu nhập ổn định. Ngoài ra còn cần có nguồn thu nhập thêm để có thêm nguồn thu chi trả cho những chi phí hàng ngày.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

Đây là chức năng có ý nghĩa quan trọng trong việc chia sẻ tình yêu thương gắn bó giữa các thành viên của gia đình, đặc biệt là tình yêu hạnh phúc lứa đôi. Tổ ấm gia đình vừa là điểm xuất phát cho con người trưởng thành, vững tin bước vào cuộc sống xã hội, đồng thời cũng là nơi bao dung, an ủi cho mỗi cá nhân trước những rủi ro, sóng gió cuộc đời. Càng về cuối đời, con người càng trở nên thâm thía và khao khát tìm về sự bình ổn, thỏa mãn nhu cầu cân bằng trạng thái tâm lý, tình cảm trong sự chăm sóc, đùm bọc của gia đình; chăm sóc sức khỏe, đảm bảo cho việc chăm sóc sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Nội dung phần này nhóm tác giả chủ yếu biên soạn lại nội dung theo Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 2021.

7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ,

giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

7.2.3. Cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

- Hôn nhân tự nguyện.

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "...nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác" [24, p. 125]. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph.Ăngghen viết: "Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi... và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội" [24, p. 128]. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nặng nề, nhất là đối với phụ nữ và con cái, cản ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung nhiều của cải vào tay một người - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng” [24, p. 118].

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác... Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý.

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn,

tự do ly hôn để tháo gỡ những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Sự biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta trong nhiều năm qua đã tác động toàn diện và sâu sắc tới tất cả các mặt của đời sống xã hội trong đó có thiết chế gia đình. Sự giải phóng năng lực sản xuất của gia đình và các thành viên trong gia đình, sự tăng trưởng kinh tế, đã không chỉ làm tăng thêm các cơ hội cải thiện đời sống gia đình mà còn là cơ sở và tiền đề quan trọng để tạo dựng nên một thiết chế gia đình bền vững.

Công tác kế hoạch hóa gia đình, sinh đẻ có kế hoạch được thực hiện trong nhiều năm cũng làm biến đổi mạnh mẽ quy mô, kết cấu của gia đình. Sự chuyển đổi từ mô hình gia đình đông con sang mô hình chỉ có từ một đến hai con đã khiến cho quy mô gia đình thay đổi. Quy mô gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân ngày càng trở nên phổ biến và được khẳng định. Chỉ trong vòng 40 năm quy mô gia đình đã giảm từ 5.22 người/hộ năm 1979 xuống còn 4 người năm 2018 [30].

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình, các thành viên ít quan tâm lo

lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

b. Sự biến đổi các chức năng của gia đình

- *Chức năng tái sản xuất ra con người.*

Tái sản xuất ra con người là chức năng riêng có của gia đình, nhằm duy trì nòi giống, cung cấp sức lao động cho xã hội đảm bảo sự phát triển liên tục của xã hội. Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản. Hiện nay, việc sinh con bị điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ trước, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỉ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn già hóa thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con. Bên cạnh đó, trong gia đình hiện đại, sự sinh đẻ phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố sức khỏe, tâm lý, tình cảm, kinh tế,... ví dụ: không nhất thiết phải có con trai, điều kiện kinh tế khó khăn thì sinh ít con hơn để nuôi dạy tốt,...

- *Biến đổi chức năng kinh tế của gia đình.*

Hoạt động kinh tế, hiểu theo nghĩa đầy đủ gồm có hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng để thỏa mãn các yêu cầu ăn, mặc, ở, đi lại của mỗi thành viên và của gia đình. Hiện nay, trong điều kiện dân số ngày càng đông, đất đai canh tác ngày càng bị thu hẹp, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất,... sự dư thừa lao động ngày càng nhiều đã đẩy một tỷ lệ lớn những người trong độ tuổi lao động đi tìm kiếm công việc ở bên ngoài, đi tới các khu công nghiệp, thành phố lớn. Từ đó, gia đình dần mất đi vai trò của đơn vị sản xuất và vai trò là đơn vị tiêu dùng ngày càng thể hiện rõ ràng hơn. Một đặc điểm nổi bật trong biến đổi gia đình ở các xã hội công nghiệp hóa là sản xuất tách rời khỏi nhà ở, các thành viên gia đình rời nhà đi làm để kiếm thu nhập mua các hàng hóa mà trước kia gia đình có thể sản xuất được [31].

- Biến đổi chức năng giáo dục.

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình [31, p. 238]. Sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển của kinh tế hiện nay, vai trò của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Ở thành phố, nhiều bậc phụ huynh có rất ít thời gian dành cho con cái. Nhiều gia đình phải phó mặc cho người giúp việc. Phần lớn các trường tiểu học và trung học cơ sở đã tổ chức học bán trú cả ngày, nên hầu như việc học hành, dạy dỗ con cái từ nhà trẻ, mẫu giáo trở lên là các gia đình dường như giao cho nhà trường và xã hội. Ở các vùng thôn quê, nhiều bậc cha mẹ phải đi làm ăn xa nên việc nuôi dạy con cái thường phải dựa vào ông bà, bà con họ hàng hay thậm chí con cái họ phải tự lo cuộc sống hàng ngày [32]. Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

- Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

c. Sự biến đổi quan hệ gia đình

- *Sự biến đổi quan hệ hôn nhân.*

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; Gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục. Từ đó, dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú... Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều...) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

- *Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình.*

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống, một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, trước kia người cao tuổi trong gia đình thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn, thiếu thốn về tình cảm.

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Người già thường hướng về các giá trị truyền thống, có xu hướng bảo thủ, áp đặt nhận thức của mình đối với người trẻ. Ngược lại, tuổi trẻ thường hướng tới những giá trị hiện đại, có xu hướng phủ nhận yếu tố truyền thống. Gia đình càng nhiều thế hệ mâu thuẫn càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều vấn đề mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới... cũng đang đe dọa, gây nhiều nguy cơ làm tan rã gia đình.

7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Thứ nhất*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

- *Thứ hai*, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình. Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; Có chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sĩ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đồng thời, có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu.

- *Thứ ba*, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay. Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác

định, duy trì những nét đẹp có ích; Đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại nhưng phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Thứ tư*, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa. Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiên bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là gia đình ấm no, hoà thuận, tiên bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vị trí, chức năng của gia đình?
2. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

D. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay.
2. Quan điểm về gia đình hạnh phúc.

E. TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2016.
2. Quốc hội số 52/2014/QH13, *Luật Hôn nhân và Gia đình*, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014.
3. Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 - Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.23*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [2]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.4*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [3]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.1*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1974.
- [4]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.20*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [5]. Viện Mác - Lênin, *V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản*, Mátxcova: Nxb. Sách chính trị, 1970.
- [6]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.23*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa X*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, t.67*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, t.65*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.
- [11]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.19*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [12]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.3*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [13]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.36*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [14]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.31*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [15]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.37*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [16]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.41*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [17]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.39*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1980.
- [18]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, t.2*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
- [19]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, t.51*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
- [20]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.

- [21]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2016.
- [22]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2005.
- [23]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, t.6*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
- [24]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, t.21*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.
- [25]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.44*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1978.
- [26]. V.I.Lênin, *Toàn tập, t.40*, Mátxcova: Nxb. Tiến bộ, 1978.
- [27]. Tổng cục Thống kê, *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, 2020.
- [28]. TS. Nguyễn Quỳnh Trâm, *Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam*. <http://www.xaydungdang.org.vn>
- [29]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, t.9*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
- [30]. GS.TS Đặng Cảnh Khanh, *Biến đổi cấu trúc gia đình Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*. <https://bvhttdl.gov.vn>.
- [31]. Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, 2012.
- [32]. Đặng Thị Ánh Tuyết, Hà Việt Hùng, Phan Thuận, *Biến đổi chức năng kinh tế hộ gia đình nông thôn ở Đồng bằng sông Hồng*, Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị, 2016.
- [33]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.